TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2022/QĐST-HNGĐ	*Ba Đồn, ngày 01 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Trung K, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bình D, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Trung K và chị Nguyễn Thị Bình D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển sổ 01/2002, ngày 15/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng H, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ký Quyết định (01/8/2022) .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các mối quan hệ khác như sau:

- Về quan hệ con chung: anh Trịnh Trung K và chị Nguyễn Thị Bình D có 03

con chung là: Trịnh Nữ Mai Ph, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2003; Trịnh Nguyên H, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2019; Trịnh Nguyên B, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2014. Con đầu Ph đã trưởng thành, Anh, Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với hai cháu H và B, Anh, Chị thỏa thuận như sau: giao cháu Hoàng cho chị D, cháu B cho anh Kiên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, Anh, Chị có quyền qua lại thăm con mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết Anh, Chị có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Nếu Anh hoặc Chị lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được giao quyền nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người kia.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh, Chị thống nhất tự thỏa thuận phân chia; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Về án phí: Anh Trịnh Trung K thỏa thuận nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003388, ngày 13 tháng 6 năm 2022. Anh K đã nộp đủ tiền án phí và được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;
- UBND xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn (GCNKH số 81/2002, ngày 15/7/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức